1. <!DOCTYPE>

Tất cả các tài liệu HTML bắt đầu bằng một <!DOCTYPE> khai báo

Tuyên bố không phải HTML. Đó là một “thông tin” cho trình duyệt về loại tài liệu mong đợi

<!DOCTYPE>

1. Các thuộc tính HTML

Name=”value”

THUỘC TÍNH “href” tính chỉ định URL của trang mà liên kết chuyển đến

Thẻ <a> xác định 1 siêu liên kết

Ví dụ: <a herf=”<https://www.w3schools.com>”>Visit W3Schools</a>

THUỘC TÍNH “src”

Thẻ<img> được sử dụng để nhúng hình ảnh vào trang HTML. Thuộc src tính chỉ định đường dẫn đến hình ảnh sẽ được hiển thị:

Ví dụ: <img src=”img\_girl.jpg”>

CÁC THUỘC TÍNH CHIỀU RỘNG VÀ CHIỀU CAO:

<img src="img\_girl.jpg" width="500" height="600">

Thuộc tính thay thế

Thuộc tính bắt buộc altcho <img> thẻ chỉ định văn bản thay thế cho hình ảnh, nếu hình ảnh không thể hiển thị vì lý do nào đó. Điều này có thể là do kết nối chậm hoặc lỗi trong srcthuộc tính hoặc nếu người dùng sử dụng trình đọc màn hình.

<img src="img\_girl.jpg" alt="Girl with a jacket">

1. TIÊU ĐỀ LỚN HƠN:

<h1 style=”font-size: 60px;”>Heading 1</h1>

1. QUY TẮC NGANG HTML:

* Thẻ <hr> được sử dụng để phân tách nội dung trong trang HTML

1. NGẮT DÒNG HTML:

* Thẻ <br> xác định ngắt dòng
* <pre>xác định văn bản được định dạng sẵn.

</pre>

## Thuộc tính phong cách

<p style="color:red;">This is a red paragraph.</p>

## Thuộc tính lang

Bạn phải luôn bao gồm langthuộc tính bên trong <html>thẻ, để khai báo ngôn ngữ của trang Web. Điều này có nghĩa là để hỗ trợ các công cụ tìm kiếm và trình duyệt.

<html lang="en">

<html lang="en-US">

## Thuộc tính kiểu HTML

Thuộc tính HTML stylecó cú pháp như sau:

<tagname style="property:value;">

## Màu nền

<body style="background-color:powderblue;">

## Văn bản màu

Thuộc tính CSS colorxác định màu văn bản cho phần tử HTML:

<h1 style="color:blue;">This is a heading</h1>

## Cỡ chữ

## Thuộc tính CSS font-sizexác định kích thước văn bản cho một phần tử HTML:

## Căn chỉnh văn bản

Thuộc tính CSS text-alignxác định căn chỉnh văn bản theo chiều ngang cho phần tử HTML:

<h1 style="text-align:center;">Centered Heading</h1>

## Các phần tử <b> và <strong> HTML(thường in đậm)(văn bản quan trọng)

<b>This text is bold</b>

<strong>This text is important!</strong>

## Các phần tử <i> và <em> HTML(thường được in nghiêng)(được nhấn mạnh)

## <i>This text is italic</i>

## <em>This text is emphasized</em>

## Phần tử HTML <small>

## Phần tử HTML <small>xác định văn bản nhỏ hơn:

## <small>This is some smaller text.</small>

## Phần tử <mark> HTML

## Phần tử HTML <mark>xác định văn bản sẽ được đánh dấu hoặc đánh dấu:

## <p>Do not forget to buy <mark>milk</mark> today.</p>

## Phần tử <del> HTML(gạch 1 văn bản)

<p>My favorite color is <del>blue</del> red.</p>

## Phần tử HTML <ins>(dùng để gạch chân dưới văn bản)

<p>My favorite color is <del>blue</del> <ins>red</ins>.</p>

## Phần tử HTML <sub>(dùng viết chỉ số dưới)như H2O:

<p>This is <sub>subscripted</sub> text.</p>

## Phần tử HTML <sup>(số mũ)

## <p>This is <sup>superscripted</sup> text.</p>

HTML <blockquote> cho Báo giá

HTML <q> cho trích dẫn ngắn(trích dẫn ngắn)

<p>WWF's goal is to: <q>Build a future where people live in harmony with nature.</q></p>

HTML <abbr> cho từ viết tắt

<p>The <abbr title="World Health Organization">WHO</abbr> was founded in 1948.</p>

HTML <địa chỉ> cho thông tin liên hệ(dạng nghiêng) thêm dấu ngắt dòng <br>

<address>  
Written by John Doe.<br>  
Visit us at:<br>  
Example.com<br>  
Box 564, Disneyland<br>  
USA  
</address>

HTML <cite> cho Tiêu đề Công việc(1 tác phẩm sáng tạo, dạng in nghiêng)

<p><cite>The Scream</cite> by Edvard Munch. Painted in 1893.</p>

HTML <bdo> dành cho ghi đè hai chiều(in ra cả chữ bình thường cả chữ ngược lại)

<bdo dir="rtl">This text will be written from right to left</bdo>

dir="rtl": ký tự đảo ngược từ phải sang trái

dir=”ltr”:ký tự từ hướng phải sang trái

Nhận xét HTML(Nhận xét HTML không được hiển thị trong trình duyệt, nhưng chúng có thể giúp ghi lại mã nguồn HTML của bạn.)(chỉ để hiểu code)

Thẻ bình luận HTML

<!-- Write your comments here -->

Border Color(màu viền):

<h1 style="border:2px solid Tomato;">Hello World</h1>

Color Values(giá trị màu):

**rgb(255, 99, 71)**

rgb(red, green, blue): để điều chỉnh rồi phối 3 màu này thành các màu

**#ff6347: dùng bảng mã hex chuyển từ số thập phân sang**

**hsl(9, 100%, 64%): hsl(hue, saturation, lightness)**

**hsl(màu sắc, độ bão hòa, độ sáng)**

rgba(255, 99, 71, 0.5): độ mờ của rgb

rgba(red, green,blue, alpha): alpha chỉnh độ mờ của màu

hsla(9, 100%, 64%, 0.5): độ mờ của hsl(alpha)

CSS: ĐƯỢC DÙNG ĐỂ BỐ CỤC TRANG WEB

(CÓ THỂ KIỂM SOÁT MÀU SẮC, PHÔNG CHỮ,…)

Inline(nội tuyến): sử dụng style thuộc tính bên trong các phần tử html

Internal(nội bộ): sử dụng 1 phần tử style trong <head>

External(bên ngoài): sử dụng 1 link phần tử để liên kết css

Inline css:

<h1 style="color:blue;">A Blue Heading</h1>

INTERNAL CSS:

<head>  
<style>  
body {background-color: powderblue;}  
h1   {color: blue;}  
p    {color: red;}  
</style>  
</head>

EXTERNAL CSS:

<head>  
  <link rel="stylesheet" href="styles.css">  
</head>

Rel=”stylesheet”: Yêu cầu. Chỉ định mối quan hệ giữa tài liệu hiện tại và tài liệu được liên kết

“styles.css”:

body {  
  background-color: powderblue;  
}  
h1 {  
  color: blue;  
}  
p {  
  color: red;  
}

color: màu chữ

font-family: phông chữ

font-size: cỡ chữ

CSS BORDER: (viền)

p {  
  border: 2px solid powderblue;  
}

CSS Padding(khoảng trắng giữa văn bản và đường viền):

p {  
  border: 2px solid powderblue;  
  padding: 30px;  
}

CSS Margin: (Xác định lề)

p {  
  border: 2px solid powderblue;  
  margin: 50px;  
}

Liên kết đến CSS bên ngoài

-sử dụng một URL đầy đủ để liên kết đến một biểu định kiểu:

<link rel="stylesheet" href="https://www.w3schools.com/html/styles.css">

-liên kết đến một biểu định kiểu nằm trong thư mục html trên trang web hiện tại:

<link rel="stylesheet" href="/html/styles.css">

-liên kết đến một biểu định kiểu nằm trong cùng thư mục với trang hiện tại:

<link rel="stylesheet" href="styles.css">

# **Liên kết HTML**

Liên kết HTML - Cú pháp

Thẻ HTML <a>xác định một siêu liên kết

<a href="*url*">*link text*</a>

Liên kết HTML - Thuộc tính đích

Target=” ”:

-\_self: mặc định. Mở tài liệu trong cùng 1 cửa sổ/tab khi nó được nhấp vào

-\_blank: Mở tài liệu trong 1 cửa sổ hoặc tab mới

-\_parent: Mở tài liệu trong khung chính

-\_top: Mở tài liệu trong toàn bộ cửa sổ

<a href="https://www.w3schools.com/" target="\_blank">Visit W3Schools!</a>

Absolute URLs vs. Relative URLs

(tuyệt đối) (tương đối)

-relative URLs để truy cập vào cùng 1 web(không có <https://www>)

<p><a href="html\_images.asp">HTML Images</a></p>

-absolute URLs:

<p><a href="https://www.google.com/">Google</a></p>